

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH**  
**9 THÁNG NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thống kê tỉnh Ninh Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

*ĐV tính: Triệu đồng*

| Số TT | Nội dung                                                                                      | Dự toán năm 2026 | Ước thực hiện 9 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 9 tháng/năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (tỷ lệ%) |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                                                             | 3                | 4                         | 5                                   | 6                                                               |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                                                   |                  |                           |                                     |                                                                 |
| I     | Số thu phí, lệ phí                                                                            |                  |                           |                                     |                                                                 |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                                              |                  |                           |                                     |                                                                 |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                         |                  |                           |                                     |                                                                 |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                | 109.177          | 77.045                    | 70,57                               | 120,37                                                          |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                                                    | 109.177          | 77.045                    | 70,57                               | 120,34                                                          |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                                                        | 109.057          | 77.033                    | 70,64                               | 120,38                                                          |
| 1.1   | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                         | 43.115           | 29.676                    | 68,83                               | 117,39                                                          |
| 1.2   | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                                   | 65.942           | 47.357                    | 71,82                               | 122,33                                                          |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                          |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                |                  |                           |                                     |                                                                 |
|       | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ       |                  |                           |                                     |                                                                 |
|       | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 2.2   | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 2.3   | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |                  |                           |                                     |                                                                 |

| Số TT     | Nội dung                                       | Dự toán năm 2026 | Ước thực hiện 9 tháng/năm | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện 9 tháng/năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (tỷ lệ%) |
|-----------|------------------------------------------------|------------------|---------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>         | <b>120</b>       | <b>12</b>                 | <b>10,00</b>                        | <b>37,50</b>                                                    |
| 3.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ              |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 3.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ        | 120              | 12                        | 10,00                               | 37,50                                                           |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác</b> |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 4.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ              |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 4.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ        |                  |                           |                                     |                                                                 |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                      |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 5.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ              |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 5.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ        |                  |                           |                                     |                                                                 |
| <b>6</b>  | <b>Chi Sự nghiệp kinh tế</b>                   |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 6.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ              |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 6.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ        |                  |                           |                                     |                                                                 |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>         |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 7.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ              |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 7.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ        |                  |                           |                                     |                                                                 |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>         |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 8.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ              |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 8.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ        |                  |                           |                                     |                                                                 |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                      |                  |                           |                                     |                                                                 |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                   |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 6.1       | Dự án A                                        |                  |                           |                                     |                                                                 |
| 6.2       | Dự án B                                        |                  |                           |                                     |                                                                 |

**Nơi nhận:**

- Ban Kế hoạch tài chính, Cục Thống kê;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Các đơn vị thuộc Thống kê tỉnh;
- Lưu: VT, TCHC.

**TRƯỞNG THỐNG KÊ**



**Lê Mạnh Hồng**